

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 13/3/2019
Về việc: “Xin ly hôn, con chung,
tài sản chung, nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quách Thị Tuyết Mai.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông Tô Đình Trị.
 - + Ông Phan Thành Tài.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Văn Quốc.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: “*Xin ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đặng Ngọc Đ; sinh năm: 1991.
Trú tại: Tổ 6, thôn H, Xã B, Huyện T, Tỉnh Quảng Nam. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Võ Thị M; sinh năm 1990.
Trú tại: Tổ 7, Thôn P, Xã B, Huyện T, Tỉnh Quảng Nam. Có mặt.
3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
 - + Đỗ Thị P; sinh năm 1964.
Trú tại: Tổ 7, Thôn P, Xã B, Huyện T, Tỉnh Quảng Nam. Có mặt.
 - + Nguyễn Thị T; sinh năm 1988.
Trú tại: Số 61 Hà Huy Tập, Thành Phố T, Tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đặng Ngọc Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Võ Thị M tự nguyện tìm hiểu kết hôn vào ngày 16/4/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, T, Quảng Nam. Quá trình chung sống thì vợ chồng không hợp, thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh đập và chị M hờn lảo với cha mẹ chồng nên tôi không chịu nổi cách sống như vậy và chúng

tôi đã ly thân nhau 2 năm nay. Nay tôi thấy tình cảm không còn nên xin ly hôn với chị Mầu.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Đặng Thị Ánh H, sinh ngày 20/10/2015 và Đặng Võ Gia H, sinh ngày 12/2/2017. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn là xin được nuôi cháu H, tuy nhiên nếu chị M nuôi hết hai cháu thì tôi đồng ý và thống nhất cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có 03(ba) chỉ vàng thị trường 9t9 và 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) là tiền vàng cho lúc đám cưới, hiện tôi đang quản lý. Tôi đề nghị chia đôi số tài sản trên.

Về nợ chung: Tôi và chị M có nợ mẹ vợ là bà Đỗ Thị P số tiền là 4.000.000 đ (Bốn triệu đồng) và nợ chị Nguyễn Thị T số tiền là 1.200.000 đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng), nay tôi đề nghị chia đôi số nợ trên để trả.

** Bị đơn Võ Thị M trình bày:*

Tôi thừa nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như anh Đặng Ngọc Đ đã trình bày. Tôi không thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như anh Đ đã khai, không có chuyện vợ chồng xảy ra đánh đập và không có chuyện tôi hờn lảo với cha mẹ chồng. Tuy nhiên hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhau lâu, tình cảm không còn nên tôi thống nhất ly hôn với anh Đặng Ngọc Đ.

Về con chung: Tôi có nguyện vọng nuôi 02 con chung là Đặng Thị Ánh H, sinh ngày 20/10/2015 và Đặng Võ Gia H, sinh ngày 12/2/2017 và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng mỗi tháng là 6.000.000 đồng để nuôi 02 con chung. Ngoài ra trong thời gian ly thân 02 năm thì anh Đ không có trách nhiệm gì với con chung, vì vậy tôi đề nghị giải quyết buộc anh Đ phải chi trả tiền cấp dưỡng nuôi con trong thời gian 02 năm là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Hiện nay, tôi không có thai nghén gì với anh Đ.

Về tài sản chung: Hiện nay anh Đ đang giữ 03(ba) chỉ vàng thị trường 9t9 và 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) là tài sản chung của hai vợ chồng. Tôi yêu cầu chia tôi được hưởng 02 (hai) chỉ vàng và 2.000.000đ (Hai triệu đồng), anh Đ hưởng 01 chỉ vàng và 1.000.000đồng. Trước đây tôi có khai nại việc anh Đ trúng sổ xổ giải đặc biệt và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa tôi rút lại yêu cầu trên vì tôi không có chứng cứ gì chứng minh

Về nợ chung: Chúng tôi có nợ mẹ tôi là bà Đỗ Thị P số tiền là 4.000.000 đồng, nợ chị dâu tôi là Nguyễn Thị T số tiền là 1.200.000 đồng. Tôi đề nghị chia đôi nợ để trả.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị P trình bày:*

Khi vợ chồng anh Đặng Ngọc Đ và chị Võ Thị M còn hòa thuận thì vào năm 2015 vợ chồng Đ và M có mượn của tôi số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), sau đó mượn thêm 1.000.000 đồng, tổng cộng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng y). Nay tôi đề nghị Đ, M phải có trách nhiệm trả lại cho tôi số tiền trên và tôi không yêu cầu tính lãi suất.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T trình bày tại biên bản lấy lời khai:*

Vào năm 2015, vợ chồng anh Đặng Ngọc Đ và chị Võ Thị M có mượn của tôi số tiền là 1.200.000 đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng). Nay vợ chồng Đ, M ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Đ và chị M phải trả số tiền trên cho tôi và tôi không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên Tòa:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX là đúng pháp luật.

Các đương sự anh Đặng Ngọc Đ, chị Võ Thị M, bà Đỗ Thị Ph, chị Nguyễn Thị Th thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị T theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận thỏa thuận của anh Đặng Ngọc Đ và chị Võ Thị M tuyên bố cho anh Đ và chị M thuận tình ly hôn.

Về con chung: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, căn cứ Điều 81 của Luật HNGĐ Việt Nam, giao 02 con chung là Đặng Thị Ánh H, sinh ngày 20/10/2015 và Đặng Võ Gia H, sinh ngày 12/2/2017 cho chị Võ Thị M nuôi dưỡng đến 18 tuổi trưởng thành. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng y).

Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị trích giá trị tài sản chung xét anh Đ có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ph và chị Th tổng cộng 5.200.000 đồng, còn 8.702.000 đ (Tám triệu bảy trăm lẻ hai ngàn đồng y) anh Đ có nghĩa vụ thôi ra cho chị M sở hữu một nửa là 4.351.000 đồng.

Đối với 50.000.000 đồng chị M yêu cầu cấp dưỡng trong thời gian vợ chồng ly thân là không có căn cứ đề nghị HĐXX không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh Đặng Ngọc Đ, bị đơn chị Võ Thị M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị P có mặt; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

{2} *Về quan hệ tranh chấp:* Anh Đặng Ngọc Đ, chị Võ Thị M tự nguyện yêu nhau và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn số 35 ngày 16/4/2015 tại UBND xã B, huyện T, Tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, hiện nay chị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 7, thôn P, xã B, huyện T, Quảng Nam nên anh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với chị M, đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

{1} *Về quan hệ hôn nhân:* Sau khi cưới nhau, theo anh Đ khai thì vợ chồng sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập và chị M không lễ phép với cha mẹ chồng nên anh Đ không chấp nhận cách sống chị M và anh xin ly hôn. Bản thân chị M không

thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như trên, tuy nhiên chị M thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân nhau 02 năm nay. Qua xác minh, Tòa án xác định được vấn đề này và chị M đã về sinh sống bên nhà mẹ ruột chị đã hai năm nay làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và kéo dài trầm trọng, vợ chồng không có trách nhiệm gì với nhau. Nay Anh Đ và chị M cũng thống nhất thỏa thuận ly hôn, do đó căn cứ vào quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Đặng Ngọc Đ, chị Võ Thị M có 02 con chung là Đặng Thị Ánh H, sinh ngày 20/10/2015 và Đặng Võ Gia H, sinh ngày 12/2/2017. Tại phiên tòa, anh chị thỏa thuận giao cho chị M nuôi hai con chung đến 18 tuổi trưởng thành. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xét giao 02 con chung là Đặng Thị Ánh H, sinh ngày 20/10/2015 và Đặng Võ Gia H, sinh ngày 12/2/2017 cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Tại phiên tòa, anh Đ và chị M thỏa thuận anh Đ cấp dưỡng để chị M nuôi 02 con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/con), kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi hai con chung trưởng thành 18 tuổi. Anh Đ có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. HĐXX xét công nhận sự thỏa thuận này của anh Đ và chị M.

Đối với yêu cầu của chị Võ Thị M đề nghị HĐXX buộc anh Đ phải chi trả tiền cấp dưỡng nuôi con trong thời gian ly thân mà anh Đ đã không có trách nhiệm gì đối với con chung, chị M yêu cầu 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Yêu cầu này anh Đ không thống nhất và không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh Đặng Ngọc Đ, chị Võ Thị M thống nhất vợ chồng có số tài sản chung là tiền, vàng cưới là 03 (ba) chỉ vàng thị trường 9t9 và 3.000.000đ (Ba triệu đồng y), anh Đ quản lý; tại phiên tòa anh chị thống nhất giá vàng thị trường 9t9 là 3.634.000đ/chỉ, giá 03 chỉ vàng tổng cộng là 10.902.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản chung là 13.902.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm lẻ hai ngàn đồng y). Anh chị thống nhất trích trả nợ chung xong còn chia, giá trị tài sản chung còn để chia là 8.702.000 đ (Tám triệu bảy trăm lẻ hai ngàn đồng y). Anh Đ yêu cầu chia đôi, chị M yêu cầu chia chị được sở hữu phần hơn là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng y). HĐXX xét thấy tài sản chung của vợ chồng chia đôi là phù hợp, nên xét chia đôi mỗi người được sở hữu 4.351.000đ (Bốn triệu ba trăm năm mươi một ngàn đồng y) và anh Đ có nghĩa vụ thối ra cho chị M sở hữu số tiền 4.351.000 đồng.

Ngoài ra, chị M khai nại anh Đ trúng xổ số giải đặc biệt nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, chị M không có chứng cứ chứng minh, nay chị rút yêu cầu này, nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Anh Đ, chị M và bà Đỗ Thị P, chị Nguyễn Thị T thống nhất số nợ bà P 4.000.000 đ (Bốn triệu đồng), nợ chị T 1.200.000 đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) và vợ chồng anh Đ và chị M thống nhất mỗi người chịu trách nhiệm trả một nửa nhưng trích giá trị tài sản chung để trả và giao anh Đ chịu trách nhiệm trả nợ, HĐXX xét thấy sự thỏa thuận là phù hợp nên xét giao anh Đ phải trả cho bà P số tiền là 4.000.000 đ (Bốn triệu đồng y) và trả cho chị T 1.200.000 đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng y). Bà P, chị Th đều không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ trên nên HĐXX không xét.

Về án phí: Anh Đặng Ngọc Đ và chị Võ Thị M phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Ngọc Đ và chị Võ Thị M.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Đặng Ngọc Đ và chị Võ Thị M: Giao cho chị Võ Thị M nuôi dưỡng 02 con chung là Đặng Thị Ánh H, sinh ngày 20/10/2015 và Đặng Võ Gia H, sinh ngày 12/2/2017 đến 18 tuổi trưởng thành. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 3.000.000 đ (Ba triệu đồng y), mỗi con là 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng y) cho đến khi cháu H, cháu H đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con chung trưởng thành 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Anh Đ có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Đặng Ngọc Đ và chị Võ Thị M:

- Giao cho anh Đặng Ngọc Đ sở hữu 4.351.000 đ (Bốn triệu ba trăm năm mươi một ngàn đồng y).

- Giao cho chị Võ Thị M sở hữu 4.351.000 đ (Bốn triệu ba trăm năm mươi một ngàn đồng y) do anh Đặng Ngọc Đức thôi ra cho chị.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

* Xử bác yêu cầu của chị Võ Thị M đối với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng y) mà chị khai nại.

4. Về nợ chung: Giao anh Đặng Ngọc Đ phải trả cho bà Đỗ Thị P số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng y) và trả cho chị Nguyễn Thị T 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng y). Bà Ph và chị T đều không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ trên nên HĐXX không xét.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí:

Án phí LHST: Xử buộc anh Đặng Ngọc Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0020805 ngày 15/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án phí cấp dưỡng: Xử buộc anh Đặng Ngọc Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y).

Án phí DSST: Xử buộc anh Đặng Ngọc Đ phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng y).

* Tổng số tiền án phí anh Đặng Ngọc Đ còn phải nộp là 600.000 đ (Sáu trăm ngàn đồng y).

Xử buộc chị Võ Thị M phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng y) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T
- Cơ quan THADS huyện T
- UBND xã B
- Các đương sự
- Lưu HS

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký, đóng dấu)

Quách Thị Tuyết Mai